

## NỘI DUNG

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 4
<b>Báo cáo Kết quả công tác soát xét</b>	5 - 6
<b>Báo cáo Tài chính đã được soát xét</b>	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 32

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/06/2018.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102459018 ngày 7 tháng 11 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy phép niêm yết số 64/GCN-SGDHN ngày 19/7/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VLA.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102459018 đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 11 năm 2007 (đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 10 tháng 08 năm 2016, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Xuất bản phần mềm. Chi tiết: Sản xuất phần mềm quản lý trong các lĩnh vực: kế toán, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, phát hành, kho hàng, quản lý xuất bán, siêu thị;
- Lập trình máy tính. Chi tiết: Xây dựng hệ thống Website về thông tin, quảng cáo, bán hàng trên mạng và các dịch vụ trên internet;
- Buôn bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: buôn bán máy tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: dịch vụ bảo trì hệ thống phần mềm;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: đại lý cung cấp phần mềm;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: đào tạo hướng nghiệp;
- Giáo dục khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Quản trị doanh nghiệp;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chuyển giao công nghệ điện tử, tin học, dịch vụ thương mại; tổ chức hoạt động: sáng tác, phóng tác, chuyển thể, nghiên cứu, dịch thuật sách giáo dục;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: phát triển kinh doanh, đầu tư dự án;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn cung cấp, giải pháp công nghệ điện tử và thông tin thị trường (trừ những thông tin nhà nước cấm);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán bán thảo;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm ngành giáo dục;
- In ấn. Chi tiết: in
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: các dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng thiết bị dạy học, thiết bị văn phòng;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Kinh doanh siêu thị (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật).

Trụ sở chính của Công ty tại số 81 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: **10.800.000.000 đồng (Mười tỷ tám trăm triệu đồng Việt Nam).**  
Vốn pháp định của Công ty là: **6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng Việt Nam).**

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/06/2018.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành của Công ty đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Lê Thành Anh	Chủ tịch
Ông Vũ Trung Chính	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Việt Mạnh	Ủy viên
Ông Lê Hoài Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Tạ Thị Thanh Huyền	Trưởng ban
Ông Phạm Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Trần Công Thanh	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Giám đốc
Bà Hoàng Thị Xuân Hòa	Kế toán trưởng

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty



Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/06/2018. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/06/2018, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2018

**TM. Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**



**Nguyễn Thanh Tùng**



Số : 245/BCKT/TC

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

*Về Báo cáo tài chính giữa niên độ*  
*Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/06/2018*  
*của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị**  
**Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang**

Chúng tôi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang được lập ngày 25 tháng 07 năm 2018 gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 được trình bày từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Cổ phần Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà nội, ngày 25 tháng 07 năm 2018

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TPP**

**Tổng Giám đốc**



**Lê Quang Đức**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán*

*Số : 0164 – 2018 – 133 -1*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>17.353.719.034</b>	<b>17.671.344.790</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>1.208.139.765</b>	<b>3.149.518.872</b>
1. Tiền	111		908.139.765	1.649.518.872
2. Các khoản tương đương tiền	112		300.000.000	1.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>11.160.419.630</b>	<b>11.163.419.630</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		3.771.399.033	3.771.399.033
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(110.979.403)	(107.979.403)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7.500.000.000	7.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.904.603.262</b>	<b>2.130.715.139</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.a	1.873.223.700	1.831.856.250
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.658.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4	1.033.721.562	310.858.889
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	3.c	(12.000.000)	(12.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>2.074.833.828</b>	<b>1.227.691.149</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.074.833.828	1.227.691.149
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.722.549</b>	<b>-</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		5.722.549	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>71.222.222</b>	<b>71.222.222</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>29.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.b	29.000.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	-	-
- Nguyên giá	222		753.454.249	753.454.249
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(753.454.249)	(753.454.249)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>8</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>42.222.222</b>	<b>71.222.222</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	42.222.222	42.222.222
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	29.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>17.424.941.256</b>	<b>17.742.567.012</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018**  
**(Tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>490.109.621</b>	<b>1.704.770.623</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>490.109.621</b>	<b>1.604.412.623</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16.a	154.630.000	6.456.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		29.552.000	192.051.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	169.647.407	367.500.756
4. Phải trả người lao động	314		102.255.482	719.774.838
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18.a	-	25.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	34.024.732	77.854.631
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	215.775.398
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>100.358.000</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20.b	-	100.358.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>16.934.831.635</b>	<b>16.037.796.389</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>16.934.831.635</b>	<b>16.037.796.389</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.800.000.000	10.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		174.697.520	174.697.520
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.994.443.584	2.994.443.584
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.965.690.531	2.068.655.285
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.068.655.285	751.562.514
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		897.035.246	1.317.092.771
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>28</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>17.424.941.256</b>	<b>17.742.567.012</b>

Người lập biểu



Vũ Bích Thạnh

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Xuân Hòa

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2018



Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 tháng đầu năm 2018**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	4.881.927.636	3.671.850.682
2. Các khoản giảm trừ	02	2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4.881.927.636	3.671.850.682
4. Giá vốn hàng bán	11	3	2.975.123.446	2.439.350.379
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.906.804.190	1.232.500.303
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4	707.950.593	872.156.354
7. Chi phí tài chính	22	5	3.563.000	13.322.174
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24	8.a	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.b	1.690.537.428	1.201.737.308
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		920.654.355	889.597.175
11. Thu nhập khác	31	6	-	-
12. Chi phí khác	32	7	-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		920.654.355	889.597.175
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	11	23.619.109	28.789.529
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	12	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		897.035.246	860.807.646
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	12	830,59	797,04
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu



Vũ Bích Thạnh

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Xuân Hòa

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2018



Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Phương pháp trực tiếp**  
**6 tháng đầu năm 2018**

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Đơn vị tính: VND Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	4.814.822.550	3.575.200.950
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(2.996.663.836)	(1.246.801.819)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(2.907.576.792)	(2.490.979.974)
4. Tiền lãi vay đã trả	4		
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(139.646.252)	(10.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	956.013.025	409.712.782
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(1.727.979.491)	(1.632.229.255)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.001.030.796)</b>	<b>(1.395.097.316)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(1.000.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	59.651.689	797.422.465
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>59.651.689</b>	<b>(202.577.535)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(1.941.379.107)</b>	<b>(1.597.674.851)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.149.518.872	3.965.702.344
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>1.208.139.765</b>	<b>2.368.027.493</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu



Vũ Bích Thạnh

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Xuân Hòa

Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102459018 ngày 7 tháng 11 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy phép niêm yết số 64/GCN-SGDHN ngày 19/7/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VLA.

Vốn điều lệ của Công ty là **10.800.000.000 đồng (Mười tỷ tám trăm triệu đồng Việt Nam)**

Vốn pháp định của Công ty là: **6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng Việt Nam).**

Trụ sở chính của Công ty tại Số 81 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102459018 đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 11 năm 2007 (đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 10 tháng 08 năm 2016, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Xuất bản phần mềm. Chi tiết: Sản xuất phần mềm quản lý trong các lĩnh vực: kế toán, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, phát hành, kho hàng, quản lý xuất bản, siêu thị;
- Lập trình máy tính. Chi tiết: Xây dựng hệ thống Website về thông tin, quảng cáo, bán hàng trên mạng và các dịch vụ trên internet;
- Buôn bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: buôn bán máy tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: dịch vụ bảo trì hệ thống phần mềm;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: đại lý cung cấp phần mềm;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: đào tạo hướng nghiệp;
- Giáo dục khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Quản trị doanh nghiệp;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chuyển giao công nghệ điện tử, tin học, dịch vụ thương mại; tổ chức hoạt động: sáng tác, phóng tác, chuyển thể, nghiên cứu, dịch thuật sách giáo dục;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: phát triển kinh doanh, đầu tư dự án;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn cung cấp, giải pháp công nghệ điện tử và thông tin thị trường (trừ những thông tin nhà nước cấm);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán bản thảo;



- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm ngành giáo dục;
- In ấn. Chi tiết: in
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: các dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng thiết bị dạy học, thiết bị văn phòng;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Kinh doanh siêu thị (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật).

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu được thực hiện ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.



## 2.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8 Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo Thông tư 45/2013/BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

- Thiết bị dụng cụ quản lý

03 năm



## 2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

## 2.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

## 2.12 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ)

và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi) phát sinh khi Công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trừ đi giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.14 Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu được ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

## 2.15 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## 2.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

*Giá vốn hàng bán đối với trường hợp Công ty là chủ đầu tư kinh doanh bất động sản*

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).



## 2.17 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### b) Ưu đãi thuế TNDN

Riêng đối với hoạt động sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ phần mềm, Công ty áp dụng tại mức thuế suất là 10% trong thời hạn là 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2008). Công ty được miễn thuế trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm tài chính 2008 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế trong lĩnh vực hoạt động này, do đó Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm (2008-2011) và giảm trong 9 năm tiếp theo (2012-2020).

Những ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định trong Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; và Công văn trả lời số 3054/CT-HTr ngày 18/03/2008 của Cục thuế Thành phố Hà Nội về việc miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

## 2.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.  
Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

102  
C  
TÁC  
KI  
AL

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	32.113.912	123.967.463
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	876.025.853	1.525.551.409
Các khoản tương đương tiền	300.000.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.208.139.765</b>	<b>3.149.518.872</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

(Chi tiết tại phụ lục số 01)

**3. Phải thu khách hàng**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.873.223.700</b>	<b>1.831.856.250</b>
<b>- Các bên liên quan</b>	<b>1.745.223.700</b>	<b>1.505.081.250</b>
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường Học Quảng Trị		6.000.000
Công ty Cổ phần sách Giáo dục tại TP Hà Nội	-	25.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	1.038.233.100	1.074.574.600
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	117.419.000	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	-	109.603.050
Công ty Cổ phần bản đồ và tranh ảnh Giáo dục	13.500.000	-
Công ty Cổ phần sách Đại học dạy nghề	24.000.000	-
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Hà Tây	24.792.000	20.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TPHCM	52.800.000	-
Cty CP sách TBGD Bình Dương	6.000.000	-
Tạp chí văn học tuổi trẻ	11.475.000	-
Tạp chí toán học và tuổi trẻ	10.000.000	-
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	56.880.000	27.813.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	57.484.000	-
Công ty cổ phần in Sách Giáo Khoa tại Thành phố Hồ Chí Minh	1.500.000	-
Tạp chí toán tuổi thơ	4.500.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	8.500.000	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Quảng Ngãi	7.200.000	-
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	12.000.000	26.299.000
Công ty Cp Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	6.000.000	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	172.940.600	127.771.600
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	19.500.000	-
Công ty Cổ phần Học Liệu	30.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	9.000.000	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	10.500.000	-
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam	27.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	12.000.000	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hòa Bình	6.000.000	12.000.000
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	6.000.000	-
Công ty cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	-	36.000.000
<b>- Bên thứ ba</b>	<b>128.000.000</b>	<b>326.775.000</b>
Công ty cổ phần Sách Alpha	68.000.000	68.000.000
Khác	60.000.000	258.775.000



**c. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	(12.000.000)	(12.000.000)
Tăng dự phòng trong kỳ		
Sử dụng/hoàn nhập dự phòng trong kỳ		
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(12.000.000)</b>	<b>(12.000.000)</b>

**4. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.033.721.562</b>	-	<b>310.858.889</b>	-
Tạm ứng	685.055.000		83.000.000	
Phải thu khác	348.666.562		217.858.889	
Dư nợ tài khoản 3388	-		10.000.000	
<b>b. Dài hạn</b>	<b>29.000.000</b>	-	-	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	29.000.000		-	

**6. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>12.000.000</b>	-	<b>12.000.000</b>	-
- Công ty TNHH Sách và VH phẩm Quảng Lợi	12.000.000	-	12.000.000	-

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.673.460.646	826.317.967
Thành phẩm	401.373.182	401.373.182
<b>Cộng</b>	<b>2.074.833.828</b>	<b>1.227.691.149</b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	753.454.249	753.454.249
Số cuối năm	753.454.249	753.454.249
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu năm	753.454.249	753.454.249
Số cuối năm	753.454.249	753.454.249
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

Nguyên giá tài sản cố định của những tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến ngày 30/06/2018 là: 753.454.249 VND.

Giá trị còn lại của TSCĐ đem đi cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2018 là 0 VND.

<b>13. Chi phí trả trước</b>		<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		-	-
<b>b. Dài hạn</b>		<b>42.222.222</b>	<b>42.222.222</b>
- Chi phí thuê nhà		42.222.222	42.222.222
<b>Cộng</b>		<b>42.222.222</b>	<b>42.222.222</b>

  

<b>16. Phải trả người bán</b>		<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		<b>154.630.000</b>	<b>6.456.000</b>
- Công ty cổ phần vật tư và thiết bị văn phòng CDC		154.630.000	6.456.000

  

<b>17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>				Đơn vị tính: VND
	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số thực nộp</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế Giá trị gia tăng	54.705.400	75.560.002	76.786.720	53.478.682
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	110.304.594	23.619.109	133.923.703	-
Thuế Thu nhập cá nhân	202.490.762	219.576.239	305.898.276	116.168.725
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>367.500.756</b>	<b>321.755.350</b>	<b>519.608.699</b>	<b>169.647.407</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	5.722.549	5.722.549
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.722.549</b>	<b>5.722.549</b>

  

<b>18. Chi phí phải trả</b>		<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		-	<b>25.000.000</b>
- Khác		-	25.000.000
<b>Cộng</b>		<b>-</b>	<b>25.000.000</b>

  

<b>19. Phải trả khác</b>		<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		<b>34.024.732</b>	<b>77.854.631</b>
Kinh phí công đoàn		34.024.732	77.854.631
<b>b. Dài hạn</b>		-	-
<b>Cộng</b>		<b>34.024.732</b>	<b>77.854.631</b>

  

<b>20. Doanh thu chưa thực hiện</b>		<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>b. Dài hạn</b>		-	<b>100.358.000</b>
- Doanh thu nhận trước		-	100.358.000

**25. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

(Chi tiết phụ lục số 02)

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Vốn góp của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	1.080.000.000	1.080.000.000
- Vốn góp của đối tượng khác	9.720.000.000	9.720.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.800.000.000</b>	<b>10.800.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	10.800.000.000	10.800.000.000
+ Vốn góp đầu năm	10.800.000.000	10.800.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	10.800.000.000	10.800.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.080.000	1.080.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.080.000	1.080.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.080.000</i>	<i>1.080.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.080.000	1.080.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.080.000</i>	<i>1.080.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>a. Doanh thu</b>		
- Doanh thu bán hàng	1.745.514.363	756.107.182
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.136.413.273	2.915.743.500
- Doanh thu hợp đồng xây dựng		
<b>Cộng</b>	<b>4.881.927.636</b>	<b>3.671.850.682</b>

**b. Doanh thu với các bên liên quan**

Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường Học Quảng Trị	12.000.000	6.000.000
Công ty Cổ phần sách Giáo dục tại TP Hà Nội	28.000.000	25.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	1.718.381.000	1.530.143.091
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.094.619.000	546.914.091
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	317.686.000	315.657.500
Công ty Cổ phần bản đồ và tranh ảnh Giáo dục	13.500.000	27.000.000



**Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang**

Số 81 Trần Hưng Đạo, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

Công ty Cổ phần sách Đại học dạy nghề	24.000.000	24.000.000
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	29.400.000	14.700.000
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Hà Tây	132.300.000	47.296.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TPHCM	105.600.000	105.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	85.800.000	85.800.000
Cty CP sách TBGD Bình Dương	12.000.000	6.000.000
Tạp chí văn học tuổi trẻ	11.250.000	9.000.000
Tạp chí toán học và tuổi trẻ	10.000.000	10.200.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	49.500.000	49.500.000
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Ninh	12.000.000	12.000.000
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	55.200.000	58.360.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	213.850.000	149.200.000
Công ty cổ phần in Sách Giáo Khoa tại Thành phố Hồ Chí Minh	3.000.000	1.500.000
Tạp chí toán tuổi thơ	11.250.000	9.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	17.000.000	16.000.000
Cty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	24.000.000	9.000.000
Công ty CP Sách - Thiết bị Quảng Ngãi	72.000.000	3.600.000
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	12.000.000	6.000.000
Công ty Cp Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	6.000.000	
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	169.950.000	192.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	39.000.000	19.500.000
Công ty Cổ phần Học Liệu	30.000.000	15.000.000
Cty CP Sách Giáo dục tại TP HCM	27.000.000	13.500.000
Công ty Cổ phần ĐT và PT trường phổ thông Công nghệ giáo dục	34.220.000	22.560.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	18.000.000	9.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	21.000.000	10.500.000
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam	54.000.000	27.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	12.000.000	10.500.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hòa Bình	6.000.000	3.000.000
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	6.000.000	
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí M	6.000.000	
Công ty cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	39.000.000	

**3. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	1.544.713.337	649.513.006
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.430.410.109	1.789.837.373
<b>Cộng</b>	<b>2.975.123.446</b>	<b>2.439.350.379</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	239.950.593	249.056.354
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	468.000.000	623.100.000
<b>Cộng</b>	<b>707.950.593</b>	<b>872.156.354</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	3.000.000	11.000.000
- Phí lưu ký chứng khoán	563.000	2.322.174
<b>Cộng</b>	<b>3.563.000</b>	<b>13.322.174</b>

**8. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>a. Chi phí bán hàng</b>	-	-
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>1.690.537.428</b>	<b>1.201.737.308</b>
- Chi phí nguyên, vật liệu	97.770.491	992.587
- Chi phí nhân công	1.017.975.644	723.815.402
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	217.485.723	206.684.513
- Chi phí khác bằng tiền	354.305.570	379.270.459
- Trích/hoàn nhập quỹ KHCN		(112.025.653)
<b>Cộng</b>	<b>1.690.537.428</b>	<b>1.201.737.308</b>

**9. Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	159.715.946	992.587
- Chi phí nhân công	2.295.093.673	2.301.407.594
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	220.744.151	270.852.685
- Chi phí khác bằng tiền	354.305.570	527.347.468
- Trích/hoàn nhập quỹ KHCN		(112.025.653)
<b>Cộng</b>	<b>3.032.859.340</b>	<b>2.991.574.681</b>

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	23.619.109	28.789.529
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.619.109	28.789.529

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	897.035.246	860.807.646
Các khoản điều chỉnh	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi		
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ LNST (*)		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	897.035.246	860.807.646
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.080.000	1.080.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	830,59	797,04



## IX. Những thông tin khác

### 1. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.208.139.765		3.149.518.872	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.935.945.262	(12.000.000)	2.142.715.139	(12.000.000)
Các khoản cho vay	-		-	
Đầu tư ngắn hạn	11.271.399.033	(110.979.403)	11.271.399.033	(107.979.403)
Đầu tư dài hạn	-		-	
<b>Cộng</b>	<b>15.415.484.060</b>	<b>(122.979.403)</b>	<b>16.563.633.044</b>	<b>(119.979.403)</b>

### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	188.654.732	84.310.631
Chi phí phải trả	-	25.000.000
<b>Cộng</b>	<b>188.654.732</b>	<b>109.310.631</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.



**Rủi ro về lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.208.139.765			1.208.139.765
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.906.945.262	29.000.000		2.935.945.262
Các khoản cho vay	-	-		-
Đầu tư ngắn hạn	11.271.399.033			11.271.399.033
Đầu tư dài hạn				-
<b>Cộng</b>	<b>15.386.484.060</b>	<b>29.000.000</b>	<b>-</b>	<b>15.415.484.060</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.149.518.872			3.149.518.872
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.142.715.139			2.142.715.139
Các khoản cho vay	-			-
Đầu tư ngắn hạn	11.271.399.033			11.271.399.033
Đầu tư dài hạn				-
<b>Cộng</b>	<b>16.563.633.044</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.563.633.044</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

**Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang**

Số 81 Trần Hưng Đạo, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả	188.654.732	-	-	188.654.732
Chi phí phải trả	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>188.654.732</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>188.654.732</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả	84.310.631	-	-	84.310.631
Chi phí phải trả	25.000.000	-	-	25.000.000
<b>Cộng</b>	<b>109.310.631</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>109.310.631</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**2. Báo cáo bộ phận****Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Phần mềm	Dịch vụ bảo trì Website	Kinh doanh máy tính	Đơn vị tính: VND Tổng
Doanh thu thuần ra bên	2.353.156.000	783.257.273	1.745.514.363	4.881.927.636
Chi phí bộ phận	1.092.215.389	338.194.720	1.544.713.337	2.975.123.446
<b>Kết quả kinh doanh bộ</b>	<b>1.260.940.611</b>	<b>445.062.553</b>	<b>200.801.026</b>	<b>1.906.804.190</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>				<b>1.690.537.428</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				216.266.762
Doanh thu hoạt động tài				707.950.593
Chi phí tài chính				3.563.000
Thu nhập khác				-
Chi phí khác				-
Thuế TNDN hiện hành				23.619.109
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>897.035.246</b>

**3. Giao dịch với bên liên quan****a. Thông tin các bên liên quan**



**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Công ty sở hữu 10% vốn
Công ty Cổ phần sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường Học Quảng Trị	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Công ty thành viên của NXB GD VN
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty Cổ phần bản đồ và tranh ảnh Giáo dục	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty Cổ phần sách Đại học dạy nghề	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty thành viên của NXB GD VN
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TPHCM	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Công ty thành viên của NXB GD VN
Cty CP sách TBGD Bình Dương	Công ty thành viên của NXB GD VN
Tạp chí văn học tuổi trẻ	Công ty thành viên của NXB GD VN
Tạp chí toán học và tuổi trẻ	Công ty thành viên của NXB GD VN
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Ninh	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty cổ phần in Sách Giáo Khoa tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty thành viên của NXB GD VN
Tạp chí toán tuổi thơ	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Công ty thành viên của NXB GD VN
Cty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty CP Sách - Thiết bị Quảng Ngãi	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty Cp Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty Cổ phần Học Liệu	Công ty thành viên của NXB GD VN
Cty CP Sách Giáo dục tại TP HCM	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty Cổ phần ĐT và PT trường phổ thông Công nghệ giáo dục	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hòa Bình	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty thành viên của NXB GD VN
Công ty cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	Công ty thành viên của NXB GD VN



**b. Giao dịch với bên liên quan**

**Thù lao hội đồng quản trị**

Trong kỳ, Công ty không chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

**4. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu

**Vũ Bích Thịnh**

Kế toán trưởng

**Hoàng Thị Xuân Hòa**

Giám đốc



**Nguyễn Thanh Tùng**

Phụ lục số 01

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>							
Tổng giá trị cổ phiếu	11.271.399.033	5.003.000.000	(110.979.403)	11.271.399.033	5.402.000.000	(107.979.403)	
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (mã: EID)	3.589.419.630	4.932.000.000		3.589.419.630	5.328.000.000		
- Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình (mã: NBP)	181.979.403	71.000.000	(110.979.403)	181.979.403	74.000.000	(107.979.403)	
<b>b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>							
b1. Ngắn hạn	7.500.000.000	7.500.000.000	-	7.500.000.000	7.500.000.000	-	
- Tiền gửi có kỳ hạn	7.500.000.000	7.500.000.000		7.500.000.000	7.500.000.000		

Phụ lục số 02

**25. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>10.800.000.000</b>	<b>174.697.520</b>	<b>2.738.342.212</b>	<b>1.723.562.514</b>	<b>15.436.602.246</b>
- Tăng vốn trong năm trước				1.829.295.515	-
- Lãi trong năm trước					-
- Tăng khác					1.829.295.515
- Trích lập các quỹ					-
- Giảm vốn trong năm trước			256.101.372	(512.202.744)	(256.101.372)
- Lỗ trong năm trước					-
- Cổ tức					-
- Giảm khác				(972.000.000)	(972.000.000)
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>10.800.000.000</b>	<b>174.697.520</b>	<b>2.994.443.584</b>	<b>2.068.655.285</b>	<b>16.037.796.389</b>
- Tăng vốn trong kỳ này					-
- Lãi trong kỳ này					-
- Tăng khác				897.035.246	897.035.246
- Trích lập các quỹ					-
- Giảm vốn trong kỳ này					-
- Lỗ trong kỳ này					-
- Cổ tức					-
- Giảm khác					-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>10.800.000.000</b>	<b>174.697.520</b>	<b>2.994.443.584</b>	<b>2.965.690.531</b>	<b>16.934.831.635</b>